

CREATING A LEVEL PLAYING FIELD FOR VIETNAM'S NON-PUBLIC UNIVERSITIES IN THE CONTEXT OF IMPLEMENTING RESOLUTION NO. 71-NQ/TW OF THE 13th POLITICAL BUREAU

Nguyen Huu Hai

Thanh Do University

Email: nhhai@thanhdouni.edu.vn

Received: 4/11/2025; Reviewed: 10/11/2025; Revised: 19/11/2025; Accepted: 8/12/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i4.313>

Abstract: *The article analyzes the current development status, opportunities, and challenges of Vietnam's non-public higher education system in the context of implementing the Politburo's Resolution 71-NQ/TW (2025) on breakthroughs in education and training development. The findings show that non-public universities have made significant contributions to expanding learning opportunities, increasing the flexibility of the higher education system, and promoting international integration. However, institutional barriers, financial mechanisms, and social perceptions continue to hinder the equal development of this sector compared to public institutions. Based on policy analysis and empirical data, the study proposes a set of solutions to create a level playing field for non-public universities, including improving the legal framework, expanding institutional autonomy, strengthening public-private partnerships, and ensuring equity in access to resources and quality assurance. The article contributes scientific and practical evidence to support the implementation of Resolution 71-NQ/TW of the 13th Political Bureau toward building an equitable, dynamic, and globally integrated Vietnamese higher education ecosystem.*

Keywords: *Institutional equality; Higher education policy; Non-public universities; Public-private partnership; Resolution 71/2025-NQ/TW.*

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế sâu rộng, giáo dục đại học Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ với mục tiêu xây dựng một nền giáo dục mở, linh hoạt, công bằng và chất lượng cao. Bên cạnh hệ thống các trường đại học công lập (ĐHCL) vốn được Nhà nước đầu tư và giữ vai trò trụ cột, khu vực đại học ngoài công lập (ĐHNCL) đang ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc mở rộng cơ hội học tập, đa dạng hóa loại hình đào tạo và góp phần cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cho nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hệ thống ĐHNCL vẫn đang đối diện với nhiều rào cản về cơ chế, chính sách, nguồn lực và nhận thức xã hội, khiến cho sự phát triển của khối này chưa tương xứng với tiềm năng và đóng góp thực tế.

Trước những bất cập đó, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị khóa XIII (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 71) về “Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo” đã được ban hành, xác định giáo dục ngoài công lập

là “thành phần quan trọng cấu thành hệ thống giáo dục quốc dân” và khẳng định nhu cầu tạo lập một môi trường phát triển bình đẳng giữa các loại hình trường đại học. Nghị quyết không chỉ nhấn mạnh vai trò của tự chủ đại học, thể chế vượt trội và cơ chế đặc thù cho các cơ sở giáo dục mà còn mở ra cơ hội đột phá cho các trường ĐHNCL về chính sách đất đai, tài chính, thuế, tín dụng và quyền tự chủ học thuật.

Từ góc nhìn này, việc “tạo sân chơi bình đẳng” cho ĐHNCL không chỉ là yêu cầu khách quan trong bối cảnh đổi mới giáo dục mà còn là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2030 – 2045 mà Nghị quyết số 71 đề ra: xây dựng hệ thống giáo dục đại học Việt Nam hiện đại, hội nhập và có sức cạnh tranh quốc tế. Bài viết này phân tích thực trạng, thách thức, cơ hội và đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò của ĐHNCL theo tinh thần Nghị quyết số 71, góp phần hình thành hệ sinh thái giáo dục đại học Việt Nam năng động, sáng tạo và bền vững.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trên thế giới, giáo dục ĐHNCL được xem là một bộ phận không thể tách rời trong hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần mở rộng cơ hội học tập và thúc đẩy sự cạnh tranh trong đào tạo nhân lực chất lượng cao. Theo Levy (2018), khu vực giáo dục đại học tư thục toàn cầu đã tăng gấp đôi về quy mô trong ba thập kỷ qua, chiếm khoảng 30–40% tổng số sinh viên theo học đại học, phản ánh xu hướng “tư nhân hóa trong giáo dục đại học” như một động lực cho đổi mới và đa dạng hóa đào tạo.

Tại Việt Nam, sự phát triển của hệ thống ĐHNCL bắt đầu từ đầu những năm 1990, khi Nhà nước thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu học tập tăng nhanh. Theo báo cáo của World Bank, trong vòng 20 năm (2000–2020), quy mô sinh viên đại học Việt Nam đã tăng từ 893.000 lên hơn 2,3 triệu, trong đó khu vực ĐHNCL đóng góp trên 25% tổng quy mô tuyển sinh (World Bank, 2020). Đến năm học 2023–2024, Việt Nam có 77 cơ sở giáo dục đại học tư thục, chiếm khoảng 27% tổng số trường đại học cả nước (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

Các trường ĐHNCL như Trường đại học FPT, Đại học Duy Tân, trường Đại học Văn Lang, Đại học Phenikaa, trường Đại học Thành Đô và Trường Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam đã đầu tư mạnh vào cơ sở vật chất, công nghệ và chương trình đào tạo quốc tế. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao của khối ĐHNCL cho thấy năng lực hội nhập và đáp ứng thị trường lao động ngày càng được khẳng định. Nghiên cứu của Ly & Vladimir (2015) cũng chỉ ra rằng các trường ĐHNCL đóng vai trò thiết yếu trong mở rộng cơ hội học tập đại học, đặc biệt cho các nhóm xã hội ở vùng đô thị và ngoài quốc doanh. Như vậy, ĐHNCL đã trở thành một thành tố quan trọng trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, góp phần mở rộng quy mô, tăng tính linh hoạt của chương trình và thúc đẩy đổi mới mô hình đào tạo.

Mặc dù đã có bước phát triển đáng kể, nhưng khối ĐHNCL vẫn đang phải đối mặt với sự thiếu bình đẳng trong cơ chế và chính sách phát triển. Các trường ĐHNCL được Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất, ngân sách chi thường xuyên và hỗ trợ tín dụng, trong khi phần lớn các trường ĐHNCL phải tự cân đối tài chính. Ly & Vladimir (2015) cho rằng các chính sách ưu đãi dành cho khu vực

tư nhân trong giáo dục “vẫn còn hình thức và thiếu nhất quán”, khiến nhiều cơ sở không thể tiếp cận vốn hoặc đất đai để mở rộng phát triển. Nghiên cứu của Quang et al. (2022) cũng nhận định rằng, bất bình đẳng thể chế là nguyên nhân khiến nhiều trường ĐHNCL rơi vào “khủng hoảng tuyển sinh” khi thiếu cơ chế khuyến khích cạnh tranh lành mạnh.

Bên cạnh đó, cũng còn thiếu cơ chế khuyến khích đầu tư và hợp tác công – tư trong giáo dục ĐHNCL. World Bank (2020) chỉ ra rằng, Việt Nam cần tăng cường mô hình đối tác công tư (PPP) trong giáo dục để tận dụng nguồn lực xã hội hóa, giảm gánh nặng ngân sách và thúc đẩy tính cạnh tranh giữa các loại hình trường. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý cho PPP trong giáo dục vẫn còn hạn chế và chưa được vận hành hiệu quả. Những rào cản này khiến khu vực ĐHNCL phát triển chậm hơn so với tiềm năng, đồng thời làm gia tăng khoảng cách giữa khối công lập và ngoài công lập về năng lực cạnh tranh, cơ hội phát triển và vị thế xã hội. Trong các nghiên cứu gần đây, nhiều học giả đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiết lập “sân chơi bình đẳng” giữa trường công lập và ngoài công lập như một yếu tố quyết định cho sự phát triển bền vững của hệ thống giáo dục đại học. Welch (2007) khẳng định rằng khi khu vực tư nhân được trao cơ chế tự chủ thực chất, công bằng trong chính sách tài chính và kiểm định, họ sẽ trở thành “động lực cải cách” thúc đẩy toàn hệ thống nâng cao chất lượng.

Ở Việt Nam, nhu cầu này càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh thực thi Nghị quyết số 71 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu “xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục”, “bảo đảm cơ hội học tập công bằng, bình đẳng cho mọi người” và “bảo đảm quyền tự chủ toàn diện cho các cơ sở giáo dục đại học không phụ thuộc vào nguồn tài chính”. Điều này tạo tiền đề để thiết lập một môi trường cạnh tranh lành mạnh, nơi các trường ĐHNCL được tham gia, đóng góp và phát triển ngang bằng với khối trường ĐHCL.

Từ tổng quan trên có thể thấy, trong khi khối ĐHNCL Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu về quy mô, chất lượng và hội nhập, vẫn tồn tại sự bất cân xứng về cơ chế, nguồn lực và cơ hội phát triển. Việc nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các

giải pháp tạo sân chơi bình đẳng giữa hai khối trường không chỉ mang ý nghĩa khoa học, mà còn có giá trị thực tiễn trong hiện thực hóa mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học theo tinh thần Nghị quyết số 71.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo hướng tiếp cận định tính kết hợp phân tích chính sách (policy analysis approach), nhằm đánh giá thực trạng phát triển của hệ thống ĐHNCL ở Việt Nam, nhận diện các rào cản thể chế, chính sách và đề xuất giải pháp “tạo sân chơi bình đẳng” giữa khối trường công lập và ngoài công lập trong bối cảnh thực thi Nghị quyết số 71.

Cách tiếp cận này được xây dựng dựa trên khung lý thuyết về bình đẳng thể chế trong giáo dục đại học (institutional equity in higher education), kết hợp quan điểm về tự chủ đại học và xã hội hóa giáo dục, cho phép làm rõ mối quan hệ giữa chính sách, cơ chế quản trị và cơ hội phát triển của các cơ sở giáo dục ĐHNCL trong hệ thống giáo dục quốc dân.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng phát triển của các trường đại học ngoài công lập Việt Nam

Tại Việt Nam, giáo dục ĐHNCL được hình thành và phát triển kể từ những năm 1990 với sự ra đời của các trường đại học dân lập. Đến năm 2005, mô hình trường đại học tư thục chính thức được pháp lý hoá. Hiện nay, trên cả nước có 77 cơ sở giáo dục đại học tư thục (có 02 trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, 01 trường đại học dân lập đang thực hiện chuyển đổi sang tư thục và 5 trường đại học có vốn đầu tư nước ngoài), chiếm 27% tổng số trường đại học. Đây là số lượng rất khiêm tốn so với nhiều nước, chẳng hạn như Nhật Bản - một quốc gia có dân số hơn Việt Nam khoảng 20% (120,65 triệu người/ 101,3 triệu người) nhưng có tới 603 trường đại học tư thục trong tổng số 781 trường đại học trên cả nước - chiếm 77,2% (Nguyễn Hữu Hải, 2024).

Trong những năm gần đây, số lượng các trường ĐHNCL đã tăng lên đáng kể, góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học cho học sinh, sinh viên. Nhiều trường đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng đào tạo để thu hút người học. Với những chiến lược phát triển mạnh mẽ của mình, hiện nhiều

trường ĐHNCL đã có cơ sở vật chất hiện đại, tiệm cận và sánh ngang với các trường quốc tế. Thậm chí, một số đơn vị còn có cơ sở vật chất hơn hẳn nhiều trường ĐHCL. Những đổi mới về trang bị cơ sở vật chất đã thu hút sự quan tâm nhiều hơn của cộng đồng xã hội, nhất là các học sinh, sinh viên và giảng viên đối với hệ thống trường ĐHNCL. Tính đến năm 2024, sinh viên của các trường ĐHNCL là 536.295/2.355.711 sinh viên của cả nước (chiếm 22,7%), trong đó số lượng sinh viên mới trúng tuyển năm 2024 là 161.268 sinh viên/601.966 sinh viên cả nước (26,7%), tăng 62% so với năm 2020 (Mỹ Duyên, 2025).

Số lượng giảng viên cơ hữu tại các trường ĐHNCL năm học 2024 là 24.022 người, bình quân mỗi trường có 358 giảng viên cơ hữu, cao hơn mức bình quân các trường ĐHCL (341 giảng viên/trường), trong đó trình độ thạc sĩ chiếm 64,7%, tiến sĩ chiếm 24%, thấp hơn so với các trường ĐHCL (38,2%). Các trường ĐHNCL có số giáo sư và phó giáo sư là 1.249, trong khi các trường ĐHCL có 4.585 giáo sư và phó giáo sư, cao hơn 3,67 lần (Mỹ Duyên, 2025).

Những năm gần đây, các trường ĐHNCL đã chủ động mở rộng các ngành nghề đào tạo, đặc biệt là các ngành có nhu cầu cao trên thị trường lao động như công nghệ thông tin, kinh tế, quản trị kinh doanh, ngoại ngữ,... Một số trường đã liên kết với các trường đại học quốc tế để đào tạo các chương trình tiên tiến, đáp ứng nhu cầu hội nhập như Swinburne Việt Nam, Greenwich Việt Nam, Đại học RMIT Việt Nam,...

Chất lượng đào tạo của các trường ĐHNCL cũng ngày càng được xã hội ghi nhận thông qua tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Chẳng hạn như: Đại học FPT là trường có 98% sinh viên có việc làm ngay sau tốt nghiệp, riêng ở khu vực TPHCM là 100%, trong đó có 19% số sinh viên tốt nghiệp làm việc tại nước ngoài, 5% tự khởi nghiệp. Trường Đại học RMIT có 83,7% sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, trong đó có 26,2% khởi nghiệp, tự kinh doanh và khoảng 21,2% tiếp tục học cao học. (Trang Hạ, 2023)

Để nâng cao chất lượng đào tạo các chuyên ngành, nhiều trường ĐHNCL đã chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn

cao, tăng cường nghiên cứu khoa học, cải tiến phương pháp giảng dạy, đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế.

4.2. Những hạn chế và tồn tại của các trường đại học ngoài công lập

Bên cạnh những thành tựu đạt được, hệ thống ĐHNCL vẫn còn tồn tại những hạn chế và bất cập.

Chất lượng đào tạo chưa đồng đều. Mặc dù có nhiều trường đã khẳng định được uy tín và chất lượng, nhưng vẫn còn một số trường có chất lượng đào tạo không đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Tình trạng đào tạo chạy theo số lượng vẫn còn khá phổ biến; một số trường tuyển sinh đầu vào chất lượng không cao, điểm chuẩn thường sát điểm sàn. Đội ngũ giảng viên một số trường ĐHNCL vừa thiếu, vừa yếu, trong đó giảng viên cơ hữu có trình độ đại học vẫn còn khá lớn làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Cơ cấu ngành nghề đào tạo ở một số trường còn mất cân đối, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp còn thấp. Việc thu hút cán bộ có năng lực làm giảng viên cơ hữu còn gặp nhiều khó khăn, đội ngũ giảng viên thỉnh giảng vẫn chiếm tỷ lệ khá lớn. Trang thiết bị nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo. Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, đặc biệt là các phòng thí nghiệm, thư viện, khu vực thực hành. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ giảng viên ở một số trường vẫn chưa được cải thiện về số lượng, cơ cấu không đồng bộ, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế của một bộ phận giảng viên còn hạn chế; tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, có chức danh giáo sư, phó giáo sư còn thấp.

Do học phí cao và tâm lý xã hội vẫn còn ưu tiên các trường ĐHCL, nên nhiều trường ĐHNCL gặp khó khăn trong tuyển sinh, đặc biệt là các ngành khoa học cơ bản và các ngành đặc thù.

Nguyên nhân của những tồn tại này là do:

Thứ nhất, cơ chế, chính sách vẫn còn thiếu bình đẳng giữa các trường ĐHCL và ĐHNCL. Mặc dù các trường đại học này đều làm nhiệm vụ như nhau, nhưng trường ĐHCL được Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên. Trong khi đó, trường ĐHNCL không những không được

quyền lợi như ĐHCL mà đến chính sách về “khuyến khích xã hội hóa đối với giáo dục” tại các Nghị định của Chính phủ cũng bộc lộ sự không bình đẳng và thiếu khả thi, tạo nên gánh nặng trên vai sinh viên ĐHNCL. Ngoài ra, các chính sách ưu đãi về thuế cũng chưa thật sự rõ ràng và hiệu quả trong việc khuyến khích đầu tư vào giáo dục ngoài công lập.

Thứ hai, chính sách cho vay vốn ưu đãi để đầu tư phát triển ĐHNCL hiện nay còn chưa cụ thể và phụ thuộc vào chính sách của từng tỉnh/thành phố, có rất ít trường tiếp cận được vốn vay và thời gian vay cũng khá ngắn nên rất dễ mất cân đối để duy trì phát triển. Việc vay vốn từ ngân hàng cũng không khả thi do đặc thù hoạt động giáo dục có thời gian hoàn vốn dài và dòng tiền không ổn định. Nếu phải vay vốn với lãi suất cao, các trường sẽ không đủ khả năng trả lãi và gốc, dẫn đến rủi ro tài chính.

Thứ ba, việc ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện cụ thể của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương chưa đầy đủ, đồng bộ và theo kịp với tình hình phát triển. Việc hướng dẫn xác định các điều kiện được hưởng chính sách xã hội hóa cũng chưa được thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền... Trên thực tế hiện nay, đa số các trường ĐHNCL chưa nhận được sự hỗ trợ đất đai hay cho vay tín dụng để xây dựng trường như quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 05 năm 2008 của Chính phủ. Hơn nữa, đa số các trường ĐHNCL khó tiếp cận được ưu đãi bởi không thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg, ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Cơ chế mua gom và thuê đất tạo ra sự thiếu công bằng đối với nhà đầu tư giáo dục, khi họ bỏ ra chi phí lớn để tích lũy quỹ đất nhưng không được đảm bảo quyền lợi tương xứng. Điều này gây tâm lý e ngại và làm giảm động lực đầu tư vào cơ sở giáo dục ngoài công lập từ những nguồn lực bên ngoài.

Thứ tư, mặc dù được trao quyền chủ động trong công tác tuyển sinh, nhưng các trường vẫn phải tuân theo giới hạn chỉ tiêu là 500 sinh viên mỗi năm. Điều này đã phần nào hạn chế khả năng mở rộng quy mô đào tạo cũng như khai thác hiệu quả nguồn lực tài chính từ người học. Nhà nước có chính sách cho vay học phí không phân biệt sinh viên trường ĐHCL hay ĐHNCL, song thực

tế cho thấy, chính sách này vẫn chưa đủ bảo đảm sự cạnh tranh bình đẳng. Sinh viên trường ĐHNCL vay vốn để học tập còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu do quy định về kết quả học tập và điều kiện vay vốn. Các trường ĐHNCL có mức học phí cao phải rất vất vả để duy trì chất lượng và thu hút sinh viên, trong khi đất đai và cơ sở vật chất hạn hẹp, không được hưởng các nguồn kinh phí như trường ĐHCL.

Thứ năm, quan hệ đối tác công - tư thể hiện tác động qua lại giữa Nhà nước và thị trường, trong đó khu vực công và khu vực tư là các đối tác bình đẳng với nhau trong phát triển giáo dục đại học. Vì thế, quan hệ công - tư không chỉ giới hạn ở việc xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục ĐHNCL mà còn bao gồm việc khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học này đổi mới cơ chế hoạt động để tăng các khoản thu ngoài ngân sách.

Thứ sáu, còn thiếu chính sách và những quy định cụ thể hóa, quán triệt quyền tài sản ở các trường ĐHNCL. Việc đầu tư vào ĐHNCL rất đa dạng, một số trường có chủ thể góp vốn chỉ là một công ty hay một gia đình (tương tự công ty TNHH một thành viên), còn một số trường được đầu tư bởi các tập đoàn (Đại học FPT, Trường Đại học Hòa Bình,...). Trong khi đó, mô hình quản trị ĐHNCL đang là “cái bóng” của công ty cổ phần. Điều này khiến chủ đầu tư phải “biến hóa” để nắm giữ quyền quản trị, đem đến nhiều hệ lụy phức tạp. Khoản 7 Điều 4 Luật Giáo dục đại học năm 2012 quy định: “Cơ sở giáo dục đại học tư thực và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận là cơ sở giáo dục đại học mà phần lợi nhuận tích lũy hàng năm là tài sản chung không chia, để tái đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học; các cổ đông hoặc các thành viên góp vốn không hưởng lợi tức hoặc hưởng lợi tức hàng năm không vượt quá lãi suất trái phiếu chính phủ”. Thế nhưng, thực tế Nhà nước chưa có khoản tín dụng nào để ưu đãi ĐHNCL, vì thế nhà trường phải huy động vốn theo thỏa thuận cao hơn “lãi suất trái phiếu chính phủ” và hạch toán lãi suất vào chi phí. Hơn nữa, nhà đầu tư cũng phải tìm đủ cách để cổ tức “không vượt quá lãi suất trái phiếu chính phủ”. Kết quả là, chưa ai xác định được cơ sở đại học nào là “không vì lợi nhuận”, do không ít nhà đầu tư tự nhận cơ sở đại học do mình đầu tư là “không vì lợi nhuận”.

Một số trường chưa có kế hoạch tổng thể trong việc phát triển trường, đặc biệt là xây dựng cơ sở vật chất và đào tạo đội ngũ giảng viên cơ hữu. Một số trường để động lực kinh tế chi phối các mặt hoạt động, các điều kiện đảm bảo chất lượng đã không đáp ứng được với thực tế tăng quy mô đào tạo.

Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan chưa thực sự quan tâm đến sự phát triển của các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập nên chưa biến các chủ trương, chính sách thành chế độ cụ thể, định hướng cho sự phát triển chung của các trường ĐHNCL. Một số văn bản quản lý nhà nước về tài chính liên quan đến quyền sở hữu và cách quản lý tài chính chưa theo kịp với thực tế phát triển các trường cũng là nguyên nhân của những mâu thuẫn và cản trở hoạt động chung của trường.

4.3. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ chính trị khóa XIII và cơ hội cho các trường đại học ngoài công lập

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực chất lượng cao, ngành giáo dục Việt Nam đang đứng trước những thách thức và cơ hội to lớn. Sự phát triển mạnh mẽ của các trường ĐHNCL đã mang lại sự đa dạng trong lựa chọn đào tạo, nhưng đồng thời cũng đặt ra bài toán về sự công bằng trong cạnh tranh, tiếp cận nguồn lực và cơ hội phát triển. Ngày 22 tháng 8 năm 2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 71 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Nghị quyết ra đời nhằm định hướng chiến lược, khắc phục những bất cập và thúc đẩy sự phát triển toàn diện, bền vững của hệ thống giáo dục đại học. Văn kiện lịch sử này không chỉ đặt ra tầm nhìn chiến lược cho toàn ngành giáo dục mà còn đưa ra những định hướng cụ thể, mang tính đột phá, cho sự phát triển của các trường ĐHNCL tại Việt Nam. Nghị quyết khẳng định rõ ràng rằng, trong một hệ thống giáo dục đa dạng và phát triển, ĐHNCL đóng vai trò là một thành phần quan trọng, cấu thành hệ thống giáo dục quốc dân, có tiềm năng lớn trong việc đóng góp vào mục tiêu nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục.

Nghị quyết số 71 khẳng định vai trò và nhiệm vụ chính trị cho phát triển ĐHNCL Việt Nam như sau:

Một là, Nghị quyết tiếp tục khẳng định quan

điểm: "Giáo dục công lập là trụ cột, giáo dục ngoài công lập là thành phần quan trọng cấu thành hệ thống giáo dục quốc dân". Quan điểm này cho thấy sự nhìn nhận đúng đắn về vai trò của ĐHNCL, không còn xem nhẹ như là yếu tố phụ trợ, mà công nhận giá trị và sự đóng góp không thể thiếu của nó. Điều này tạo cơ sở chính trị và tâm lý vững chắc để các trường ĐHNCL tự tin phát triển, đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động.

Hai là, Nghị quyết nhấn mạnh: "xây dựng nền giáo dục mở, liên thông, bảo đảm cơ hội học tập công bằng, bình đẳng cho mọi người, đáp ứng nhu cầu xã hội, thúc đẩy học tập suốt đời". Đối với ĐHNCL, điều này mang ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng cánh cửa tiếp cận giáo dục chất lượng cao cho nhiều đối tượng sinh viên hơn. Với cơ chế linh hoạt và khả năng thích ứng nhanh, các trường ĐHNCL có thể phát triển đa dạng các mô hình đào tạo, các chương trình liên thông, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học và thị trường lao động. Việc đảm bảo cơ hội học tập công bằng đòi hỏi các chính sách hỗ trợ, học bổng và các cơ chế tài chính ưu đãi cho sinh viên theo học tại các trường ĐHNCL, đặc biệt là những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nhưng có năng lực.

Ba là, Nghị quyết đưa ra yêu cầu định hướng: "Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo". Điều này mở ra cơ hội để các trường ĐHNCL được hưởng những chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội, tương tự như các trường ĐHCL, hoặc thậm chí có những chính sách riêng biệt để khuyến khích sự phát triển. Cụ thể là các chính sách về đất đai, thuế, cơ chế huy động vốn và các quy định về tự chủ đại học cần được điều chỉnh để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho ĐHNCL. Nghị quyết cũng nhấn mạnh việc "bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phụ thuộc vào mức độ tự chủ tài chính". Điều này rất quan trọng đối với ĐHNCL, giúp họ có thể chủ động hơn trong việc hoạch định chiến lược phát triển, đổi mới chương trình đào tạo và quản lý hoạt động một cách hiệu quả nhất.

Bốn là, Nghị quyết đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 có: "ít nhất 8 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 200 đại học hàng đầu châu Á, ít nhất

1 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín" và nâng lên "ít nhất 5 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới" vào năm 2045. Để đạt được mục tiêu kỳ vọng này, vai trò của các trường ĐHNCL là không thể phủ nhận. Với tinh thần năng động, sáng tạo và khả năng đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở vật chất, công nghệ và thu hút nhân tài, các trường ĐHNCL có tiềm năng lớn để đạt được những thứ hạng cao trên các bảng xếp hạng quốc tế uy tín. Nghị quyết khuyến khích "Nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng". Định hướng này mở ra cơ hội phát triển cho ĐHNCL nhằm thu hút các nhà khoa học giỏi trong và ngoài nước, tạo ra những sản phẩm khoa học có giá trị và đóng góp tích cực vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo chung của đất nước.

Tuy nhiên, để các định hướng này thực sự đi vào cuộc sống, cần có những giải pháp cụ thể để đảm bảo sự bình đẳng trong thực thi chính sách. Chính phủ và các Bộ ngành cần xây dựng thể chế hỗ trợ tài chính, thuế, đất đai phù hợp, tạo điều kiện cho ĐHNCL huy động vốn và đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, cần có cơ chế đánh giá chất lượng độc lập, minh bạch, áp dụng cho cả hai loại hình trường, để đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh và công bằng.

4.4. Giải pháp tạo sân chơi bình đẳng cho các trường đại học ngoài công lập theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị khóa XIII

Để tạo sân chơi cho ĐHNCL theo tinh thần Nghị quyết số 71, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có những giải pháp chủ chốt dưới đây:

(1) Nâng cao nhận thức xã hội về loại hình đào tạo

Truyền thông mạnh mẽ về vai trò và đóng góp của cả hai loại hình trường đại học. Cần xây dựng một tư duy khách quan, công bằng về chất lượng đào tạo, tránh định kiến, để phụ huynh và học sinh có thể đưa ra những lựa chọn sáng suốt dựa trên năng lực và mong muốn của bản thân, thay vì chỉ dựa vào yếu tố cảm tính công lập hay ngoài công lập.

(2) Hoàn thiện thể chế, chính sách đặc thù và

ưu đãi cho trường đại học ngoài công lập

Rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến thành lập, cho phép hoạt động, tự chủ của trường ĐHNCL: đảm bảo thủ tục thành lập minh bạch, thuận lợi hơn; tạo điều kiện tiếp cận đất đai, vốn đầu tư, hạ tầng; Xây dựng cơ chế ưu đãi đặc thù cho trường ĐHNCL tham gia đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Chẳng hạn như: Hỗ trợ ngân sách hoặc vốn khởi nghiệp cho dự án nghiên cứu; ưu đãi lãi suất vay vốn đầu tư xây dựng trường học, cơ chế bảo lãnh tín dụng thông qua quỹ hỗ trợ phát triển giáo dục và cho phép sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản thế chấp; ưu đãi thuế, hỗ trợ đất đai theo hướng thay vì chỉ cho thuê 50 năm bằng chính sách linh hoạt hơn như gia hạn thời gian thuê, thậm chí là chuyển sang hình thức thuê ổn định lâu dài, nhất là với những trường tự đầu tư tài chính để hình thành quỹ đất phục vụ giáo dục; khuyến khích nguồn lực xã hội tham gia đầu tư vào trường ĐHNCL bằng cách tạo sự yên tâm cho nhà đầu tư trong việc mở rộng quy mô đào tạo; phát huy tính đa dạng hoá trong nguồn tài chính giáo dục nhằm khuyến khích các chủ thể là tư nhân, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế tham gia quản trị, đầu tư, hợp tác với trường ĐHNCL; tạo cơ chế bảo hiểm, hỗ trợ, thúc đẩy chất lượng và uy tín của trường ĐHNCL thông qua bộ tiêu chí rõ ràng, minh bạch theo chuẩn quốc gia và quốc tế; khuyến khích các mô hình hợp tác công - tư hiệu quả, tạo điều kiện để các trường ĐHNCL tiếp cận các quỹ phát triển khoa học, công nghệ.

(3) Tăng cường tự chủ, quản trị hiện đại với trường ngoài công lập

Trao quyền tự chủ lớn hơn cho trường ĐHNCL trong việc thiết kế chương trình đào tạo, tuyển dụng giảng viên, liên kết doanh nghiệp, đổi mới phương pháp giảng dạy; áp dụng mô hình quản trị theo chuẩn quốc tế như: Hội đồng quản trị đa dạng, đại diện xã hội, doanh nghiệp, quốc tế; minh bạch về tài chính, đầu tư, kiểm soát chất lượng; xây dựng chiến lược chuyên biệt cho từng trường trong việc định vị rõ “thương hiệu” - chuyên môn hoá các lĩnh vực mũi nhọn, khai thác lợi thế địa phương hoặc chuyên ngành; khuyến khích hợp tác giữa các trường ĐHNCL với trường ĐHCL, viện nghiên cứu, doanh nghiệp - tạo liên kết mạng lưới để tận dụng nguồn lực,

kinh nghiệm và mở rộng quy mô đào tạo đại học.

(4) Nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và hợp tác quốc tế

Đầu tư mạnh vào chất lượng đội ngũ giảng viên thông qua thu hút giảng viên giỏi trong và ngoài nước; khuyến khích giảng viên trường ĐHNCL tham gia nghiên cứu quốc tế, công bố quốc tế, hợp tác xuyên quốc gia; tăng cường chương trình đào tạo theo nhu cầu thị trường, gia tăng thực hành, chuyển giao công nghệ, đảm bảo “học đi đôi với hành”; xây dựng và thực hiện tốt các chương trình hợp tác quốc tế, liên kết với những trường đại học uy tín, trao đổi sinh viên, đào tạo kép, chương trình tiếng Anh, chuyển tiếp quốc tế; thúc đẩy nghiên cứu khoa học, sáng chế, patent, đổi mới sáng tạo bằng cách trường ĐHNCL phải có chiến lược cụ thể để tham gia hệ sinh thái đổi mới sáng tạo – phù hợp với mục tiêu Nghị quyết số 71 là tăng số công bố quốc tế, số sáng chế.

(5) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, hạ tầng, công nghệ

Xây dựng mô hình tài chính đa nguồn: học phí, đóng góp xã hội, doanh nghiệp, hợp tác quốc tế, quỹ đầu tư giáo dục để trường ĐHNCL không quá phụ thuộc vào học phí và có dư địa đầu tư nâng cấp chất lượng. Tận dụng chuyển đổi số và công nghệ giáo dục bằng cách ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo vào giảng dạy, quản lý, học tập trực tuyến/hybrid phù hợp với quan điểm Nghị quyết về chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục. Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại như: Thư viện số, phòng thí nghiệm, trung tâm khởi nghiệp, không gian sáng tạo để tạo môi trường học tập và nghiên cứu hấp dẫn; huy động đối tác doanh nghiệp ở các lĩnh vực, ngành nghề vào đào tạo như xây dựng phòng thực hành, thực tập, dự án chung để tăng cường năng lực cho người học và nâng cao uy tín đào tạo của nhà trường.

(6) Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và thúc đẩy liên thông, học tập suốt đời

Xây dựng cơ chế liên thông giữa trường ĐHNCL và hệ thống giáo dục nghề nghiệp, phổ thông và ĐHCL để người học có thể chuyển tiếp linh hoạt, học tập suốt đời theo đúng quan điểm Nghị quyết về nền giáo dục mở và học tập suốt đời; đảm bảo công bằng trong tiếp cận đào tạo thông qua hỗ trợ học bổng, tín dụng giáo dục, ưu

đãi cho sinh viên của trường ĐHNCL nhằm thúc đẩy năng lực toàn diện và nâng cao chất lượng người học; thiết lập và công bố rõ các chỉ số chất lượng đào tạo, nghiên cứu, việc làm sau tốt nghiệp để người học, doanh nghiệp có cơ sở đánh giá và lựa chọn; thúc đẩy phong trào thi đua, sáng tạo giữa các trường đại học để trường ĐHNCL cũng có không gian cạnh tranh, khẳng định vị thế thay vì bị bó hẹp trong khung khổ quy định cứng nhắc.

5. Bàn luận

Nghị quyết số 71 là bước ngoặt trong chính sách giáo dục đại học Việt Nam, khi lần đầu tiên khẳng định rõ ràng: “giáo dục công lập là trụ cột, giáo dục ngoài công lập là thành phần quan trọng cấu thành hệ thống giáo dục quốc dân.” Đây là sự thay đổi về nhận thức chiến lược, góp phần “chính danh hóa” vai trò của khối ĐHNCL trong tổng thể phát triển giáo dục quốc gia. Nghị quyết cũng mở ra các cơ chế mới về tự chủ đại học, chính sách đặc thù và quyền tiếp cận bình đẳng về đất đai, thuế và nguồn vốn đầu tư. Nếu được triển khai đồng bộ, đây có thể là “cú hích chính sách” giúp ĐHNCL chuyển từ vị thế “bổ trợ” sang “đối tác chiến lược toàn diện” trong phát triển giáo dục. Tuy nhiên, thách thức vẫn nằm ở khâu thực thi, bởi nhiều chủ trương trước đây cũng đã đề cập đến “xã hội hóa giáo dục”, nhưng thiếu hướng dẫn cụ thể và cơ chế giám sát, dẫn đến hiệu quả thấp.

Để hiện thực hóa tinh thần của Nghị quyết số 71, cần bảo đảm ba nguyên tắc: (1) Minh bạch thể chế, trong đó các chính sách về tài chính, tín dụng, đất đai, thuế phải được hướng dẫn chi tiết, áp dụng thống nhất giữa các loại hình trường; (2) Bình đẳng thực chất theo tiêu chí đánh giá, kiểm định chất lượng và cơ chế cấp ngân sách nghiên cứu phải được mở rộng cho ĐHNCL như đối với trường ĐHCL; (3) Khuyến khích tự chủ có trách nhiệm theo hướng tăng quyền tự chủ học thuật và tài chính cho ĐHNCL đi đôi với cơ chế giám sát minh bạch, tránh thương mại hóa giáo dục.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, việc tạo “sân chơi bình đẳng” không thể chỉ dựa vào ưu đãi tài chính mà cần được hiểu như một chiến lược phát triển hệ sinh thái giáo dục đại học cạnh tranh, đa trung tâm và hội nhập quốc tế. Trong đó: (i) Các trường ĐHCL giữ vai trò dẫn dắt học thuật, nghiên cứu và chuyển giao tri thức; (ii) Các

trường ĐHNCL đóng vai trò năng động, linh hoạt, đáp ứng nhanh nhu cầu thị trường lao động và đổi mới công nghệ; (iii) Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, bảo đảm khung pháp lý minh bạch, giám sát chất lượng và khuyến khích hợp tác công - tư trong giáo dục.

Bài học từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore cho thấy, khi chính phủ tạo môi trường bình đẳng và khuyến khích tự chủ, các ĐHNCL có thể phát triển vượt trội, đóng góp đáng kể cho GDP và năng lực sáng tạo quốc gia. Với Việt Nam, việc phát triển ĐHNCL theo hướng này không chỉ góp phần đạt mục tiêu “ít nhất 8 cơ sở đại học thuộc top 200 châu Á vào năm 2030”, mà còn hiện thực hóa định hướng “giáo dục mở, học tập suốt đời và hội nhập quốc tế” mà Nghị quyết số 71 đề ra.

Từ các phân tích trên, có thể khẳng định rằng tạo sân chơi bình đẳng cho ĐHNCL là yêu cầu tất yếu trong tiến trình đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Để đạt được điều đó, cần tập trung vào ba nhóm chính sách trọng tâm là: (1) Hoàn thiện khung pháp lý và thể chế – ban hành các quy định cụ thể hóa Nghị quyết số 71 về tự chủ, xã hội hóa và quan hệ công – tư trong giáo dục; (2) Công bằng trong phân bổ nguồn lực và cơ hội như áp dụng cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính tương đương giữa các loại hình trường; khuyến khích ĐHNCL tham gia các dự án nghiên cứu, đổi mới sáng tạo quốc gia; (3) Tăng cường kiểm định và minh bạch chất lượng, thiết lập hệ thống đánh giá độc lập, công bố công khai chỉ số chất lượng, việc làm sau tốt nghiệp và đóng góp nghiên cứu của cả hai khối công – tư.

6. Kết luận

Thực tế cho thấy, khu vực ĐHNCL đã trở thành một hợp phần quan trọng của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, với đóng góp đáng kể vào mở rộng cơ hội học tập, đa dạng hóa chương trình, nâng cao tính linh hoạt quản trị và gia tăng khả năng kết nối với thị trường lao động. Những thành tựu về quy mô tuyển sinh, đầu tư cơ sở vật chất, quốc tế hóa chương trình và tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp ở nhiều trường tiên phong đã khẳng định xu hướng dịch chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu của các trường ĐHNCL.

Tuy nhiên, kết quả cũng cho thấy sự phân hóa về chất lượng giữa các trường thông qua tình trạng thiếu giảng viên cơ hữu, hạn chế trong bảo

đảm chất lượng đào tạo và nghiên cứu, cùng các rào cản về thể chế - tài chính - đất đai - tín dụng. Căn nguyên cốt lõi là do thiếu bình đẳng trong thể chế giữa hai khối ĐHCL và ĐHNCL, thể hiện ở khả năng tiếp cận nguồn lực và cơ chế ưu đãi chưa tương xứng, cũng như hướng dẫn pháp lý chưa nhất quán, khó dự báo.

Trong bối cảnh đó, Nghị quyết số 71 mở ra một cơ hội để tái cấu trúc “sân chơi” theo hướng bình đẳng thực chất: mở rộng quyền tự chủ đi đôi với trách nhiệm giải trình; hoàn thiện khung pháp lý về tài chính, đất đai, thuế; mở rộng cơ hội tiếp cận các quỹ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; thiết lập cơ chế kiểm định, xếp hạng, công khai minh bạch được áp dụng thống nhất cho mọi loại hình cơ sở đào tạo đại học. Nếu được cụ thể hóa và thực thi nhất quán, các định hướng này sẽ giúp

ĐHNCL chuyển từ vai trò “bổ trợ” sang đối tác chiến lược toàn diện trong hệ sinh thái giáo dục đại học, qua đó góp phần đạt các mục tiêu về chất lượng, công bằng và năng lực cạnh tranh quốc tế đến năm 2030 và 2045.

Tóm lại, phát triển ĐHNCL bền vững không đơn thuần là gia tăng số lượng cơ sở, mà là kiến tạo một hệ sinh thái cạnh tranh, đa trung tâm và công bằng. Trọng tâm hành động trong giai đoạn tới là lấp đầy khoảng cách thể chế, nâng cao chất lượng đồng đều, tăng cường hợp tác công – tư và củng cố minh bạch, kiểm định chất lượng. Đây là điều kiện tiên quyết để huy động tối đa nguồn lực xã hội cho giáo dục đại học, hiện thực hóa mục tiêu chuyển đổi sang một nền giáo dục mở, học tập suốt đời và hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới.

Tài liệu tham khảo

- Bo Chinh tri. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đợt phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Bo Giao duc va Dao tao. (2025). *Báo cáo thương niên giáo dục đại học Việt Nam 2024–2025*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Duyen, M. (2025). *Quy mô giáo dục ĐH tăng hơn 300.000 sinh viên trong năm học 2023-2024*. Truy cập ngày 01 tháng 10 năm 2025 từ <https://thanhnien.vn/quy-mo-giao-duc-dh-tang-hon-300000-sinh-vien-trong-nam-hoc-2023-2024-185250522162830238.htm>
- Ha, T. (2023), *Trường Đại học nào ở Việt Nam ra trường dễ xin việc, lương khởi điểm 20 triệu/tháng*. Truy cập ngày 05 tháng 10 năm 2025 từ <https://phunutoday.vn/truong-dai-hoc-nao-o-viet-nam-ra-truong-de-xin-viec-luong-khoi-diem-20-trieu-thang-d391664.html>.
- Hai, N. H. (2024). *Tu chu cac truong dai hoc cong lap o Nhat Ban va kinh nghiệm cho Việt Nam*. Truy cập ngày 01 tháng 10 năm 2025 từ <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/08/20/tu-chu-cac-truong-dai-hoc-cong-lap-o-nhat-ban-va-kinh-nghiem-cho-viet-nam/>.
- Levy, D. C. (2018). Global private higher education: an empirical profile of its size and geographical shape. *High Educ* 76, 701–715. <https://doi.org/10.1007/s10734-018-0233-6>.
- Ly, P., & Vladimir, B. (2015). Private Higher Education in Vietnam and Recent Policy Development. *VNU Journal Of Science: Social Sciences And Humanities*, 31(4). Retrieved from <https://js.vnu.edu.vn/SSH/article/view/241>.
- Quang, C., Cuong, N. H. & Trung, N. T. (2020). The emergence of private higher education in a communist state: the case of Vietnam. *Studies in Higher Education*, 47(4), 888–903. <https://doi.org/10.1080/03075079.2020.1817890>.
- Welch, A. (2007). Ho Chi Minh meets the market: Public and private higher education in Viet Nam. *International Education Journal: Comparative Perspectives*, 8(3), 35-56.
- World Bank. (2020). *Improving the performance of higher education in Vietnam: Strategic priorities and policy options*. Retrieved October 15, 2025 from <https://documents1.worldbank.org/curated/en/347431588175259657/pdf/Improving-the-Performance-of-Higher-Education-in-Vietnam.pdf>.

**TẠO SÂN CHƠI BÌNH ĐẲNG CHO ĐẠI HỌC NGOÀI CÔNG LẬP
VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH THỰC THI NGHỊ QUYẾT
SỐ 71-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XIII**

Nguyễn Hữu Hải

Trường Đại học Thành Đô

Email: nhhai@thanhdouni.edu.vn

Ngày nhận bài: 4/11/2025; Ngày phản biện: 10/11/2025; Ngày tác giả sửa: 19/11/2025;

Ngày duyệt đăng: 8/12/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i4.313>

Tóm tắt: Bài báo phân tích thực trạng phát triển, cơ hội và thách thức của hệ thống đại học ngoài công lập ở Việt Nam trong bối cảnh thực thi Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ thống đại học ngoài công lập đã đóng góp quan trọng trong mở rộng cơ hội học tập, tăng tính linh hoạt của hệ thống giáo dục đại học và thúc đẩy hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, các rào cản về thể chế, cơ chế tài chính và nhận thức xã hội vẫn là yếu tố kìm hãm sự phát triển bình đẳng của khối trường này so với khối công lập. Trên cơ sở phân tích chính sách và dữ liệu thực tiễn, nghiên cứu đề xuất nhóm giải pháp nhằm tạo sân chơi bình đẳng cho các trường đại học ngoài công lập, bao gồm: hoàn thiện khung pháp lý, mở rộng tự chủ, tăng cường hợp tác công – tư, bảo đảm công bằng trong tiếp cận nguồn lực và kiểm định chất lượng. Bài báo góp phần cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII, hướng tới xây dựng một hệ sinh thái giáo dục đại học Việt Nam công bằng, năng động và hội nhập.

Từ khóa: Bình đẳng thể chế; Chính sách giáo dục đại học; Đại học ngoài công lập; Hợp tác công – tư; Nghị quyết số 71/2025-NQ/TW khóa XIII.